

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TIẾNG THÁI**



Hà Nội- 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG		TRANG
I	ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	4
II	QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	5
III	MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	6
IV	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	8
V	NỘI DUNG GIÁO DỤC	13
NỘI DUNG GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ A1		16
	Nội dung giáo dục trình độ A1 - năm thứ nhất	16
	Nội dung giáo dục trình độ A1 - năm thứ 2	19
	Nội dung giáo dục trình độ A1 - năm thứ 3	22
	Nội dung giáo dục trình độ A1 - năm thứ 4	25
	Nội dung giáo dục trình độ A1 - năm thứ 5	28
NỘI DUNG GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ A2		31
	Nội dung giáo dục trình độ A2 - năm thứ 6	31

NỘI DUNG		TRANG
	Nội dung giáo dục trình độ A2 - năm thứ 7	34
	Nội dung giáo dục trình độ A2 - năm thứ 8	36
	Nội dung giáo dục trình độ A2 - năm thứ 9	39
NỘI DUNG GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ B		42
	Nội dung giáo dục trình độ B - năm thứ 10	42
	Nội dung giáo dục trình độ B - năm thứ 11	45
	Nội dung giáo dục trình độ B - năm thứ 12	48
VI	PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	51
VII	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	58
VIII	GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	60
IX	DANH MỤC VĂN BẢN (NGŨ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN	67

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Thái là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ, là môn học tự chọn trong chương trình Giáo dục phổ thông áp dụng đối với học sinh dân tộc Thái ở Việt Nam có nhu cầu học tiếng Thái..

Tiếng Thái là môn học mang tính thẩm mỹ - nhân văn; giúp học sinh có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để hiểu biết và lưu giữ bản sắc văn hóa của dân tộc; đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha,...

Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn tiếng Thái có vai trò to lớn trong việc giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả suốt đời.

Môn tiếng Thái cũng liên quan mật thiết với cuộc sống; giúp học sinh biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống hàng ngày của dân tộc mình, biết liên hệ và có kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Thái và văn hóa Thái, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng cấp học được phân chia theo hai bậc: Bậc A và bậc B. Trong đó trình độ A chia ra hai trình độ A1 và A2; bậc B chỉ có một trình độ (trình độ B); ba trình độ này ứng với 03 cấp học.

Bậc A: Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức tiếng Thái và văn hóa Thái được tích hợp trong quá trình dạy học nghe, nói, đọc, viết. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi cấp học. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp học sinh sử dụng tiếng Thái và chữ Thái thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và các hoạt động giáo dục khác.

Bậc B: Chương trình củng cố, kế thừa và phát triển các kết quả giáo dục thông qua các chủ đề, chủ điểm, giúp học sinh nâng cao năng lực ngôn ngữ, phát triển và bảo tồn văn hóa dân tộc Thái; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách để học sinh trở thành người công dân có trách nhiệm.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn tiếng Thái tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình tổng thể ban hành kèm Thông tư 32/2018/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện ở một số quan điểm sau:

1. Chương trình môn học và hoạt động giáo dục là văn bản xác định vị trí, vai trò và hoạt động giáo dục trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục cốt lõi của môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp học, cấp học được xây dựng trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học, thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá dân tộc Thái, đặc biệt là sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

2. Chương trình tiếng Thái lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả 2 bậc học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chính thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các kiến thức cơ bản về tiếng Thái và chữ Thái, được hình thành qua hoạt động dạy học và giao tiếp phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

3. Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung, thời gian, đối tượng dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho từng giai đoạn; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng và chữ Thái đối với người học.

4. Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình môn tiếng Thái cấp Tiểu học theo Thông tư 46/2014/TT-BGDĐT, ngày 23/12/2014 và Thông tư Số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

5. Việc tổ chức dạy và học tiếng dân tộc Thái thực hiện theo "Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính Phủ và Thông tư liên tịch số 50/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010.

6. Biên soạn sách giáo khoa môn tiếng Thái phải sử dụng bộ chữ Thái cổ truyền của dân tộc Thái, được cộng đồng dân tộc Thái sử dụng qua nhiều thế hệ, được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 và Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn tiếng Thái giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Thái và văn hóa Thái; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Thái nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

b) Góp phần giúp học sinh phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Môn tiếng Thái giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ, phát triển và bảo tồn văn hóa dân tộc; rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức cơ bản về tiếng Thái và văn hóa Thái; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các tác phẩm về văn học dân gian dân tộc Thái nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong đời sống văn hóa Thái.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cấp Tiểu học

Sau khi kết thúc trình độ A1, học sinh đạt được:

- Một số kiến thức đơn giản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Thái.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ và một số văn bản ngắn
- Hiểu được nghĩa của từ, nội dung, thông tin chính của một số văn bản ngắn.
- Viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả).

- Yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động.

- Thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh.

- Bồi dưỡng tình yêu tiếng mẹ đẻ; góp phần bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Thái.

Trình độ A1 được chia thành 5 bậc nhỏ, tương đương với 5 năm học từ lớp 1 đến lớp 5.

2.2. Mục tiêu cấp Trung học cơ sở

Sau khi kết thúc trình độ A2, học sinh đạt được:

- Phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết với mức độ vững chắc, nói và nghe thành thạo: Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ khó; phát biểu rõ ràng, mạch lạc; đọc được một số văn bản với số lượng câu, chữ lớn hơn A1.

- Đọc, hiểu được nội dung một số văn bản theo chủ đề.

- Viết được đoạn và bài văn ngắn về thể loại tự sự, miêu tả một cách mạch lạc, logic, đúng quy trình; nói dễ hiểu, có thái độ tự tin trong giao tiếp; nghe hiểu ý kiến người nói với thái độ phù hợp.

- Có trí tưởng tượng, hiểu và biết rung động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản.

- Tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở trình độ A1; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn hóa dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

- Mở rộng hiểu biết về con người, cuộc sống, truyền thống văn hóa của dân tộc Thái và các dân tộc khác ở Việt Nam.

Trình độ A2 được chia thành 4 bậc nhỏ, tương đương với 4 năm học từ lớp 6 đến lớp 9.

2.3. Mục tiêu cấp Trung học phổ thông

Sau khi kết thúc trình độ B, học sinh đạt được:

- Phát triển các năng lực..... đã hình thành ở trình độ A2 với các yêu cầu cần đạt cao hơn: đọc hiểu được nội dung các văn bản theo chủ đề với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện (biết nhận xét, đánh giá, đưa ra quan điểm của mình sau khi học xong chủ đề).

- Viết được những văn bản ngắn theo chủ đề; kỹ năng đọc, viết thành thạo; nói và nghe linh hoạt; có khả năng nghe và đánh giá được nội dung của bài thuyết trình; có thái độ tranh luận phù hợp.

- Phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở trung học cơ sở; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc Thái nói riêng và văn hóa các dân tộc Việt Nam nói chung; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Trình độ B được chia thành 3 bậc nhỏ, tương đương với 3 năm học từ lớp 10 đến lớp 12.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Môn tiếng Thái cũng như các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể. Bao gồm: Kỹ năng ngôn ngữ; kiến thức ngôn ngữ; năng lực giao tiếp văn hóa; phương pháp học ngôn ngữ.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

2.1. Yêu cầu cần đạt về kỹ năng tiếng Thái

Nghe hiểu

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
- Nghe nhận biết được các âm, tiếng, từ;	- Nghe, hiểu chủ đề và những chi tiết quan	- Nghe, hiểu và phân tích được những chi

nhận biết các phụ âm tổ thấp, tổ cao.	trọng trong văn bản.	tiết quan trọng trong văn bản.
- Nghe và phân biệt được một số phụ âm ghép và khó.	- Bước đầu biết nghe và ghi lại những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.	- Nghe và ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.
- Nghe, hiểu câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể trong đối thoại với thái độ phù hợp.	- Nghe, hiểu và nhớ được nội dung bài thơ, bài văn ngắn	- Rút ra được những thông tin cơ bản qua nội dung bài học và những văn bản thông dụng trên các phương tiện nghe, nhìn khác.
- Hiểu được nội dung cơ bản của văn bản; nhận biết được cảm xúc của người nói. - Biết nhận xét về các nhân vật trong bài học qua các chủ đề: Bản thân; gia đình, nhà trường, bản mường.	- Biết nhận xét về các nhân vật trong bài học qua các chủ đề: Bản thân; gia đình, dòng tộc; bản mường, quê hương; nhà trường; văn hóa xã hội; trò chơi dân gian; văn hóa nghệ thuật dân tộc, chăm sóc sức khỏe; giáo dục; người Thái ơn Đảng, Bác Hồ; thiên nhiên môi trường.	- Nghe, hiểu và nhớ được nội dung bài thơ, bài văn; nhận xét, đánh giá được về các nhân vật; rút ra bài học cho bản thân qua các chủ đề: Bản sắc văn hóa; chăm sóc sức khỏe; khoa học giáo dục; lao động sản xuất; đất nước, con người; danh lam thắng cảnh; truyền thống lịch sử; truyền thống yêu nước và bảo vệ tổ quốc; chính sách pháp luật;
- Bước đầu biết phản hồi những gì đã nghe.	- Biết phản hồi những gì đã nghe.	- Biết phản hồi và dùng lý lẽ của mình để thuyết phục người nghe về một vấn đề cụ thể nào đó.

Nói (hội thoại)

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
- Biết nói câu theo mẫu.	- Biết giới thiệu về các hoạt động đoàn	- Biết lựa chọn từ ngữ đúng, biểu cảm

	thể mà mình tham gia.	trong khi nói.
- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi.	- Đặt được câu và trả lời các câu hỏi đơn giản trong học tập và giao tiếp.	- Đặt được câu và biết trả lời câu hỏi trong trao đổi, thảo luận về bài học hoặc một số vấn đề trong cuộc sống.
- Biết đặt câu và trả lời các câu hỏi đơn giản trong học tập và giao tiếp.	- Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc, hoặc sự kiện đã biết một cách mạch lạc; nhận xét đúng về các nhân vật hoặc sự kiện đó.	- Biết bày tỏ ý kiến, thái độ và quan điểm của mình về vấn đề đang trao đổi.
- Giới thiệu được về gia đình, bạn bè, đoàn thể mình tham gia theo gợi ý.	- Biết cách nói thích hợp với mục đích giao tiếp; Biết sử dụng hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ... để trình bày một vấn đề một cách có hiệu quả.	- Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại; có thái độ cầu thị và văn hóa tranh luận; có khả năng thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức của bài thuyết trình.
- Biết kể lại câu chuyện đơn giản đã nghe, đã đọc.	- Giới thiệu được về con người, lịch sử, văn hóa địa phương.	- Trình bày vấn đề một cách khoa học, tự tin, có sức thuyết phục; Biết sử dụng hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ... để trình bày một vấn đề một cách có hiệu quả
- Biết nói lời phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	- Sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	- Sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, lời nói biểu cảm phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Đọc hiểu

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
- Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu.	- Đọc và trả lời được nội dung chính của các văn bản theo chủ đề.	- Đọc diễn cảm, trả lời được nội dung chính của các văn bản theo chủ đề.
- Đọc hiểu nghĩa của từ, câu, đoạn, bài văn ngắn có nội dung đơn giản.	- Rút ra được các thông tin chính về nhân vật, sự kiện trong văn bản và ghi lại được một cách chính xác.	- Rút ra được các thông tin chính về nhân vật, sự kiện từ những văn bản đã học và văn bản thông dụng trong cuộc sống; ghi lại được một cách chính xác.
- Đọc và giải nghĩa được một số từ ngữ; nhận biết được các từ láy, từ nhiều nghĩa, từ đồng âm, từ đồng nghĩa; các ký tự đặc biệt.	- Bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và hình thức của văn bản; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.	- Biết phân tích, đánh giá nội dung và hình thức biểu đạt của văn bản; thể hiện được cách đánh giá riêng về con người và cuộc sống theo quan điểm của mình; thấy được vai trò và tác dụng của việc đọc đối với bản thân.
- Bước đầu hiểu được nội dung đơn giản của văn bản, nêu được tình cảm suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	- Bước đầu biết liên hệ với những trải nghiệm của bản thân.	- Bước đầu đưa ra được những dự đoán có cơ sở thông qua việc phân tích nội dung văn bản.

Viết

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	Trình độ A2	Trình độ B
- Viết đúng các nét chữ cơ bản, đặt nguyên âm và dấu thanh đúng vị trí. Viết	- Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học.	- Ghi chép được nội dung chính khi nghe, đọc.

đúng các âm, vần, tiếng, từ; viết rõ ràng, đều nét, tương đối nhanh theo cỡ chữ quy định.		
- Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn.	- Viết được một số câu đơn giản về những chủ đề quen thuộc đã học (bản thân, gia đình...).	- Tóm tắt được nội dung chính của bài văn thuộc chủ đề đã học.
- Biết viết câu đúng ngữ pháp, liên kết câu thành đoạn, bài văn ngắn.	- Bước đầu biết viết bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh.	- Biết viết bài thuyết trình ngắn gọn, đơn giản; thể hiện được cảm xúc; những trải nghiệm, kinh nghiệm của bản thân.
- Biết viết đoạn văn đơn giản (miêu tả, kể, thuật việc...) theo gợi ý.	- Biết viết đoạn văn ngắn kể về cuộc sống thường nhật và những sự việc diễn ra xung quanh; thuật lại các công việc thường nhật theo trình tự thời gian.	- Viết đúng quy trình, kết hợp phương thức biểu đạt và kiểu lập luận chặt chẽ; có quan điểm cá nhân về vấn đề cần viết.
- Biết viết đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, gia đình, trường học.	- Bước đầu biết tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản.	- Bước đầu biết tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản.

2.2. Yêu cầu cần đạt về kiến thức tiếng Thái

- Ngữ âm: Học sinh phát âm được rõ ràng âm, vần, tiếng, từ; sử dụng đúng ngữ điệu.
- Chính tả: Học sinh viết đúng chính tả âm, vần, tiếng, từ, cụm từ; cách sử dụng dấu câu; viết được đoạn, bài văn ngắn đúng quy tắc chính tả.
- Từ vựng: Học sinh biết được một số vốn từ thông qua các từ ứng dụng và các chủ đề đã học; biết xác định từ đơn, từ ghép, từ láy, ghép phụ âm đôi, ghép phụ âm 3, ghép nguyên âm với phụ âm, ghép phụ âm với nguyên âm; nhận biết được danh từ, động từ, tính từ, các đại từ chỉ ngôi trong tiếng Thái.

- Ngữ pháp: Học sinh biết viết và sử dụng câu đúng ngữ pháp.

2.3. Yêu cầu cần đạt về kiến thức văn hóa

- Môn tiếng Thái giúp học sinh biết thực hiện một số nghi thức chào hỏi và giao tiếp theo phong tục dân tộc Thái.

- Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học môn tiếng Thái được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt của mỗi bậc, gồm: Đọc, viết, nói và nghe; kiến thức (Ngữ âm, chữ viết, các biến thể con chữ, từ, tiếng, ngữ pháp, biến thể ngôn ngữ, văn hóa dân tộc Thái ...); ngữ liệu.

1.1. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết

a) Về kĩ năng nghe: Gồm các yêu cầu về cách nghe, nghe có ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ khi nghe, nghe qua các phương tiện kĩ thuật khác...

b) Về kĩ năng nói: Gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ khi nói.

c) Về kĩ năng đọc

– Kĩ thuật đọc: gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kĩ năng đọc thành tiếng, kĩ năng đọc thầm, đọc lướt, kĩ năng ghi chép trong khi đọc.

– Đọc hiểu:

+ Đọc hiểu nội dung văn bản thể hiện qua chi tiết, chủ đề, chủ điểm..., ngôn ngữ biểu đạt.

+ Liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc; đọc hiểu văn bản đa phương thức...

+ Đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn, bài văn, bài thơ chọn lọc.

d) Về kĩ năng viết

– Kĩ thuật viết: gồm các yêu cầu về tư thế viết, kĩ năng viết chữ và viết chính tả, kĩ năng trình bày bài viết...

– Viết câu, đoạn, văn bản: gồm các yêu cầu về quy trình viết văn bản theo các chủ đề, chủ điểm....

1.2. Kiến thức tiếng Thái

- Kiến thức ngữ âm và chữ viết

+ Ngữ âm và chữ viết: âm, chữ cái, dấu thanh, âm vực, vần và cấu tạo của vần, quy tắc chính tả, một số tiếng, từ khó viết, khó phát âm; một số kí tự đặc biệt.

+ Từ vựng: Mở rộng vốn từ về chủ điểm bản thân, gia đình, trường học, quê hương - đất nước, văn hóa - dân tộc...

+ Ngữ pháp: Nghi thức lời nói (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi); dấu câu, từ loại, cấu trúc câu, các kiểu câu và cách dùng.

+ Hoạt động giao tiếp: đoạn văn, văn bản và một số kiểu văn bản.

+ Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: từ mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, chữ viết tiếng Thái, các biến thể ngôn ngữ phân biệt theo phạm vi địa phương, xã hội, chức năng, trong đó có văn bản đa phương thức (ngôn ngữ trong sự kết hợp với hình ảnh, kí hiệu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...) như là một biến thể của giao tiếp ngôn ngữ.

- Phân bổ các mạch kiến thức tiếng Thái ở từng trình độ:

+ Trình độ A1: một số hiểu biết sơ giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu); hiểu nội dung một số hiện tượng ngôn ngữ đơn giản, ngắn gọn; có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp. Vốn từ theo chủ đề: Bản thân; gia đình, nhà trường, bản mường.

+ Trình độ A2: bước đầu hiểu được nội dung các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp (chủ đề: Bản thân; gia đình, dòng tộc, bản mường, quê hương; nhà trường; văn hóa xã hội; chăm sóc sức khỏe; trò chơi dân gian; người Thái on Đảng, Bác Hồ; giáo dục; thiên nhiên, môi trường) và một số tác phẩm văn học dân gian của người Thái, các sáng tác

văn học nghệ thuật trong giai đoạn hiện nay (tác phẩm phản ánh tư tưởng, văn hóa, văn học dân tộc, thái độ yêu quý và giữ gìn bản sắc dân tộc).

+ Trình độ B: hiểu biết về nội dung các chủ đề và các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan; vận dụng vào giao tiếp; chú trọng cách diễn đạt sáng tạo, có sức thuyết phục (chủ đề: Bản sắc văn hoá dân tộc Thái; chăm sóc sức khỏe; khoa học và giáo dục; lao động sản xuất; truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh; đất nước, con người); chính sách và pháp luật; một số tác phẩm văn học dân gian của người Thái, các sáng tác văn học nghệ thuật trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Ngữ liệu

- Ngữ liệu được xây dựng theo các chủ đề: Bản thân; quan hệ gia đình, dòng tộc, bản mường quê hương; nhà trường; văn hóa xã hội; trò chơi dân gian; người Thái ơn Đảng, Bác Hồ; thiên nhiên, môi trường;; bản sắc văn hoá dân tộc Thái; chăm sóc sức khỏe; khoa học và giáo dục; lao động sản xuất; truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh; đất nước, con người; chính sách và pháp luật;... Ngữ liệu phù hợp với tâm lý, nhận thức của người học. Nguồn ngữ liệu chủ yếu được lấy từ ngôn ngữ thông dụng, văn học dân gian (thần thoại, truyện cổ, truyền thuyết, ngụ ngôn, ca dao, đồng dao, thành ngữ, tục ngữ...) và các sáng tác văn học nghệ thuật của người Thái, phản ánh đời sống, văn hóa của dân tộc Thái.

- Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu

Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, ngữ liệu được lựa chọn bảo đảm các tiêu chí sau:

- + Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.
- + Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của học sinh ở từng giai đoạn. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng Thái ở giai đoạn giáo dục cơ bản được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lí học sinh.
- + Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu cho văn hóa dân tộc, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Phát âm đúng các âm vần, từ tiếng, câu đúng theo chuẩn ngữ Thái (Ví dụ: âm au, âm cao có thanh 1...) - Phát âm đúng các phụ âm tổ thấp, tổ cao. - Biết trả lời các câu hỏi đơn giản trong nội dung bài học. - Biết nói lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi. - Biết nói câu theo mẫu. 3. Đọc - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Biết đánh vần và ghép vần. - Đọc được 6 âm khi sử dụng thanh điệu. - Biết đọc tiếng, từ khi ghép 1 phụ âm với 1 nguyên âm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng âm khó: au - Phát âm đúng một số cặp phụ âm b - v; đ - l. - Biết đọc và ngắt nghỉ hơi theo dấu câu một đoạn văn bản có độ dài 30- 50 chữ. Tốc độ đọc khoảng 30 - 35 tiếng/1 phút. - Đọc thuộc một số đoạn văn và đoạn thơ ngắn khoảng 30 chữ. 4. Viết	- Phân biệt được vị trí đứng của các nguyên âm trong một từ + Có 2 nguyên âm đứng sau nếu từ có 2 chữ cái, đứng giữa nếu từ có 3 chữ cái ...1...; ...๕... + Có 01 nguyên âm chỉ đứng giữa: ...๑... + Có 6 nguyên âm đứng trên phụ âm: ...; ...๑; ...๒; ...๓; ...๔; ...๕ + Có 7 nguyên âm đứng trước phụ âm: ...๑; ...๒; ...๓; ...๔; ...๕; ...๖; ...๗ + Có 01 nguyên âm nằm dưới phụ âm: ...๘; + Có 01 nguyên âm bao lấy phụ âm: ...๙; + Nguyên âm đứng sau phụ âm thành từ (tiếng): ...๑; ...๒; ...๓; ...๔; ...๕; ...๖; ...๗; ...๘; ...๙ + Nguyên âm kết hợp với phụ âm thành từ, (tiếng): ...๑; ...๒; ...๓; ...๔; ...๕; ...๖; ...๗; ...๘; ...๙ + Chữ cái vừa là nguyên âm vừa phụ âm: ๑ ๑๑๑ (on) : ๑ đứng đầu là phụ âm, ๑ đứng giữa là nguyên âm ๑๑๑ (an): ๑ đứng đầu là phụ âm. ๑๑๑ (bon): ๑ là nguyên âm. 1.3. Dấu thanh điệu: Có 2 dấu thanh đó là:; 1.4. Các ký tự đặc biệt ๑, ๑, ๑, ๑, ๑

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Biết viết đúng các nét chữ cơ bản, dấu thanh và quy trình viết. - Viết đúng chữ cái, độ cao thấp, độ rộng của chữ; các nét cơ bản, biết viết các ký tự đặc biệt. - Biết đặt dấu thanh điệu (mai xiêng) và nguyên âm (mây) đúng vị trí. - Viết đúng chính tả câu thơ, chuỗi câu, đoạn văn có độ dài khoảng 25- 30 chữ theo hình thức nhìn - viết (tập chép). Tốc độ viết khoảng 25- 30 chữ/15 phút. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. 5. Kiến thức tiếng Thái - Hiểu được nghĩa các từ trong bài học. - Dịch được nghĩa các từ đã học từ tiếng Thái sang tiếng Việt và ngược lại. - Nhận biết được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất. - Nhận biết ý chính của đoạn văn, đoạn thơ. 6. Kiến thức văn hóa	1.5. Ghép 1 phụ âm với 1 nguyên âm và dấu thanh để tạo thành từ, tiếng. 2. Từ vựng, ngữ pháp - Học sinh được học khoảng 50- 70 từ vựng. bao gồm từ khóa, từ ứng dụng và câu ứng dụng. - Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất, đặc điểm. - Tên gọi các dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,...) trong văn bản. - Biết sử dụng dấu thanh điệu đúng âm: Thanh 1 (mai xiêng 1) đi với phụ âm là tổ thấp thì đọc như dấu sắc; đi với tổ cao đọc như dấu huyền, hay hạ giọng xuống. Thanh 2 (mai xiêng 2) đi với phụ âm tổ thấp đọc như dấu hỏi, đi với phụ âm tổ cao đọc gần giống dấu nặng. Dấu thanh luôn luôn đặt trên phụ âm chính. - Biết nghi thức chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi. 3. Hoạt động giao tiếp - Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà trường và xã hội - Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà, ở trường và trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA THÁI Tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, ca dao, các bài thơ và sáng tác mới. III. NGỮ LIỆU 1. Bảng chữ cái tiếng Thái. Bảng vần. 2. Từ khóa, câu ứng dụng có chứa âm, vần, từ, tiếng có liên quan

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nhận biết các câu thành ngữ, tục ngữ, đồng dao trong bài học. - Nhận biết hình thức đoạn văn, đoạn thơ. - Bước đầu giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	trong bài học. 3. Hình ảnh: trang phục và đồ dùng truyền thống dân tộc Thái (kèm lời giải thích dưới tranh). 4. Bảng từ, từ điển.

Năm học thứ 2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Có thói quen và thái độ chú ý lắng nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). - Nghe hiểu từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể đơn giản. trong đối thoại. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học. - Nghe hiểu nội dung đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn ngắn. - Nghe hiểu về một câu chuyện có nội dung đơn giản do thầy (cô) kể. 2. Nói - Nói rõ ràng, thành câu, có thói quen nhìn vào người nghe khi nói. - Biết đặt câu hỏi đơn giản; trả lời các câu hỏi trong nội dung bài học. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Ngữ âm và chữ viết 1.1. Các vần với nguyên âm o, a, ua, ư (...๑...; ...1...; ...๕...; (...) ...๑๙; ...๑๙; ...๑๖; ...๑๗; ...๑๗; ...๑๐; ...๑๙; ...๑๙; ...๑๙; ...1๙;...1๙;...1๖; ...1๗; ...1๗; ...1๐; ...1๖; ...๑1; ...1๙; ...1๙; ...1๙; ...๑๙; ...๑๙; ...๑๖; ...๑๗; ...๑๐; ...๑๙; ...๕๙; ...๕๙; ...๕๖; ...๕๗; ...๕๗;...๕๐; ...๕๙; ...๕๙;...๕๙; (...๙; (...๙; (...๖; (...๗; (...๗; (...๐; (...๙; (...๙; (...๙; 1.2. Đánh vần, đọc trơn các từ khóa, từ ứng dụng câu ứng dụng và bài khóa ngắn.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
ngợi, chúc mừng, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh). Biết nhận xét về nhân vật, các chi tiết trong câu chuyện). - Giới thiệu được về gia đình, bạn bè, đoàn thể mình tham gia theo gợi ý. - Đặt được một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. 3. Đọc - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng từ, tiếng có chữ c đứng sau cùng, có chức năng như âm tắc, nếu đi với tổ thấp đọc như thanh bán sắc, với tổ cao đọc như thanh bán nặng. - Đọc đúng 6 âm khi sử dụng thanh điệu. - Đánh vần và đọc được 44 vần. - Đọc tối thiểu 3- 5 văn bản có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 35 – 40 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Đọc thuộc lòng 3- 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 – 40 chữ.	1.3. Dấu thanh điệu, vị trí đặt dấu thanh điệu và cách phát âm khi có dấu thanh điệu (Dấu thanh điệu luôn luôn đặt trên phụ âm chính). 1.4. Vị trí đặt nguyên âm (Trên, dưới, trước, sau, và bao lấy phụ âm). 1.5. Một số chữ cái biến âm khi tạo vần: ví dụ Nguyên âm ưa (ư...) khi tạo vần với ng (ơ) thì biến thành âm ương (ư...ơ) hoặc nguyên âm ưa (ư...) khi tạo vần với m thì biến thành âm ươm (ư...m) Nguyên âm ua (...ư...) nếu có âm cuối biến âm uô, uân: VD: ...ơ - uông, ưư (xuân); ưư (puông) 1.6. Các chữ cái biến thể khi đứng giữa hoặc sau cùng b (ư) - P; đ (ơ)- t; v (ơ) - o,u; d (ư) - i; Nguyên âm ơ - phụ âm ơ; may khít - o (khi đứng trên phụ âm) 2. Từ vựng, ngữ pháp - Học sinh được học khoảng 70- 100 từ vựng, bao gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Biết đặt dấu thanh điệu trên phụ âm chính. - Biết đặt nguyên âm trên dưới đúng vị trí: nếu

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
4. Viết - Viết đúng chữ Thái, độ cao thấp, độ rộng của chữ cái, biết viết ký tự đặc biệt. - Biết đặt nguyên âm (may) đúng vị trí (Trên, dưới, trước, sau). - Biết đặt dấu thanh điệu (mai xiêng) trên phụ âm chính. - Viết đúng quy tắc các chữ cái biến thể: b (๒), đ (ด), v (ว), o (อ, ...). - Biết cách viết và sử dụng bán nguyên âm: V (๑), J (๓) - Biết sử dụng quan hệ từ khi viết câu, đoạn văn. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 40 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết chính tả. Tốc độ viết khoảng 30-35 chữ /15 phút. - Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Viết được 4- 5 câu giới thiệu về bản thân; một đồ vật quen thuộc hoặc sự việc dựa vào gợi ý. - Biết viết lời cảm ơn, lời xin lỗi. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật gần gũi theo gợi ý. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. 5. Kiến thức tiếng Thái - Đọc và hiểu nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện trong minh trong bài học. - Đọc và đánh vần đúng các chữ cái biến thể b (๒), đ (ด), v (ว), d (ด), o (อ,	từ có 2 chữ cái thì nguyên âm nằm trên hay dưới sẽ đặt đúng trên hoặc dưới phụ âm chính. Nếu từ có 3 chữ cái trở lên thì nguyên âm nằm trên hay dưới đặt đúng trên hoặc dưới phụ âm cuối hoặc bán nguyên âm. - Nhận biết được từ đơn; từ ghép; từ đa âm. - Nhận biết được từ đơn: Khẩu - ๑๓, nặm - ๑๔; cẳm - ๑๕; kin - ๑๖; - Từ ghép: Khẩu nặm - ๑๓ ๑๔; cẳm kin - ๑๕ ๑๖, - Biết sử dụng quan hệ từ (nối các từ trong 1 câu) - Sử dụng dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,...) trong văn bản. - Biết đặt câu có đủ thành phần chủ ngữ- vị ngữ. 3. Hoạt động giao tiếp - Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày ở nhà trường và xã hội. - Một số nghi thức giao tiếp thông dụng trong cuộc sống hàng ngày ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép... - Đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật gần gũi. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Cách ứng xử hàng ngày thông qua một số nghi thức giao tiếp...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
.....) - Phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. - Nhận biết được từ đơn, từ ghép. - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. - Nhận biết được chủ đề văn bản ngắn. - Biết đọc thầm, bước đầu biết đọc diễn cảm các văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. 6. Kiến thức văn hóa - Bước đầu biết cảm nhận về nhân vật, chi tiết chính trong văn bản. - Bước đầu biết nhận xét và thể hiện quan điểm yêu, ghét đối với nhân vật. - Giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	2. Nhân vật trong truyện 3. Chủ đề (viết, kể về điều gì). 4. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật. 5. Tình cảm, thái độ của mình qua các nhân vật. III. NGŨ LIỆU 1. Bảng chữ cái tiếng Thái. Bảng vần. 2. Văn bản văn hóa, văn học. - Đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, lời răn dạy, câu đố, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả. - Đoạn thơ, bài thơ. 3. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Năm học thứ 3

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe rõ và xác định được các vần mới học. - Nghe hiểu từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi; tưởng tượng và diễn tả lại được dáng vẻ và hành động, lời nói của nhân vật. - Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Ngữ âm và chữ viết 1.1. Các vần với nguyên âm e, ơ, ê, ô, (a...; ĩ...; ĩ...; ĩ...): a...u; a...u; a...o; a...u; a...o; a...o; a...u; a...u; a...o; a...u; a...u; a...u; a...u; ĩ...u;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
2. Nói - Biết nói lời phù hợp với mục đích giao tiếp, quy tắc giao tiếp của người Thái. - Biết lựa chọn từ ngữ đúng trong khi nói. - Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh). Biết nhận xét về nhân vật, các chi tiết trong câu chuyện). - Nói ngắn gọn về nội dung một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). 3. Đọc - Đọc và đánh vần đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng từ, tiếng có chữ c đứng sau cùng, có chức năng như âm tắc, nếu đi với tổ thấp đọc như thanh bán sắc, với tổ cao đọc như thanh bán nặng. - Đọc và đánh vần đúng các chữ cái biến thể b (๒), đ (๑), v (๓), d (๔), o (๑,) - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40- 45 tiếng/1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. - Đọc tối thiểu 5- 7 văn bản có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Thuộc lòng 5- 7 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài	๑...๓; ๑...๖; ๑...๗; ๑...๘; ๑...๙; ๑...๑๐; ๑...๑๑; ๑...๑๒; ๑...๑๓; ๑...๑๔; ๑...๑๕; ๑...๑๖; ๑...๑๗; ๑...๑๘; ๑...๑๙; ๑...๒๐; ๑...๒๑; ๑...๒๒; ๑...๒๓; ๑...๒๔; ๑...๒๕; ๑...๒๖; ๑...๒๗; ๑...๒๘; ๑...๒๙; ๑...๓๐; ๑...๓๑; ๑...๓๒; ๑...๓๓; 1.2. Chữ cái, âm vần, từ tiếng 1.3. Các chữ cái biến thể khi đứng giữa hoặc sau cùng b (๒) - P; đ (๑) - t; v (๓) - o,u; d (๔) - i; ๑ - phụ âm; may khít - o (khi đứng trên phụ âm) 2. Từ vựng, ngữ pháp - Học sinh được học khoảng 100-120 từ vựng, bao gồm từ khóa và từ ứng dụng.. - Nhận biết được các từ láy: + Láy bộ phận + Láy vần: ๓๑๖ ๓๑๗ + Láy âm: ๓๑๖ ๓๑๗ - ๓๑๖ ๓๑๗ - Láy toàn phần - Láy 3: ๓๑๖ ๓๑๗, ๑๒๖ ๑๒๗ - Láy 4: ๓๑๖ ๓๑๗ ๓๑๗ ๓๑๗ - Đặt câu có đủ thành phần chủ ngữ; vị ngữ 3. Hoạt động giao tiếp - Hội thoại: lắng nghe, đối thoại – đóng vai.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
khoảng 40- 50 chữ. - Biết đọc thầm bài thơ, bài văn ngắn; bước đầu biết đọc diễn cảm các văn bản. 4. Viết - Viết đúng chữ Thái, độ cao thấp, độ rộng của chữ cái, biết viết ký tự đặc biệt. - Viết rõ ràng, đều nét, đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Viết được đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 40 – 50 chữ theo các hình thức nhìn viết (tập chép), nghe – viết chính tả. Tốc độ viết khoảng 35- 40 chữ/15 phút. - Biết viết câu đúng ngữ pháp, liên kết các câu thành đoạn, bài. - Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Viết được 2- 4 câu ứng dụng cho mỗi loại văn dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. 5. Kiến thức tiếng Thái - Đọc và hiểu nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện trong minh. - Xác định được từ láy; quan hệ từ có trong văn bản.	- Viết đoạn văn miêu tả đồ vật. - Viết đoạn văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm. - Viết đoạn văn ngắn nêu cảm xúc, tình cảm của bản thân. - Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học rút ra từ văn bản. 2. Nhân vật trong truyện. 3. Cảm xúc, suy nghĩ, ứng xử của bản thân.. III. NGŨ LIỆU 1. Bảng chữ cái tiếng Thái, bảng vần. 2. Văn bản văn hóa, văn học. - Đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, lời răn dạy, câu đố, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả. - Đoạn thơ, bài thơ. - Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 100 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ. 3. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh, độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ. 4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi; biết tưởng tượng và diễn tả lại được dáng vẻ và hành động, lời nói của nhân vật. - Nghe để hội thoại được với cử chỉ, điệu bộ thích hợp. 2. Nói - Đặt được câu hỏi và trả lời nội dung câu hỏi một cách tường minh. - Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh). - Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích). - Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản, về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề; chú ý lắng nghe người khác đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói. 3. Đọc - Đọc và đánh vần đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (gồm từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài đọc ứng dụng). - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 45- 50 tiếng/1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. - Phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện để đọc với ngữ điệu phù hợp. - Biết đọc diễn cảm các văn bản.	...၁ုး; ...၂်း; ...၃်း;...၄်း; ...၅း; ...၆်း; ...၇်း; ...၈်း; ...၉်း; ...၀်း; ...၁်း; ...၂်း; ...၃်း ; ...၄်း; ...၅်း; ...၆်း; ...၇်း; ...၈်း; ...၉်း; ...၁်း; ...၂်း; ...၃်း 1.2. Quy tắc ghép phụ âm: ਖηηη (xηη) - xlak xlông (dịp hiêm hoi), खηηη - xlai (thềm muồn), प्लत - plat (trượt), ब्दुर् ब्दुर् - bdur bdũng (nhếch nhác)... - Ghép ba phụ âm: कल्मूक - khlmúk (thấp lè tè), मूल (mूल - khltok (móc théch))... - Ghép phụ âm + nguyên âm: सौ (sau) - s-au (rau thơm), खो (x-ốc (nắc) - Ghép nguyên âm + phụ âm: ओल (ôlộc ôlồ (nhóp nháp), लंग एमेप - lang emep (vàng vọt...) 1.3. Chữ cái, âm, vần, tiếng, từ. 1.4. Các chữ cái biến thể b (ဝ), đ (င), v (င), d (တ), o (ဓ) 2. Từ vựng, ngữ pháp - Học sinh được học khoảng 120-150 từ vựng. - Từ loại: + Danh từ: ဝါး (cây), မောင် (con trai), ပုံ (hình), နေရာ (chỗ)...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Trong một năm đọc tối thiểu 7-10 văn bản có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Thuộc lòng 5 – 7 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 40 – 45 chữ. 4. Viết - Viết đúng chữ Thái, độ cao thấp, độ rộng của chữ cái. - Viết đúng quy trình ghép các phụ âm, ghép 3 phụ âm, ghép phụ âm với nguyên âm, nguyên âm với phụ âm. - Viết được đoạn văn ngắn kể lại/ thuật lại một sự việc đã được chứng kiến hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó. - Viết được đoạn văn kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc. - Viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử). - Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong văn bản hoặc một người bạn gần gũi, thân thiết.. - Viết được đoạn văn ngắn trình bày lý do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc, đã nghe. 5. Kiến thức tiếng Thái - Đọc và hiểu nghĩa của các từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng và bài khóa. - Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản. - Dựa vào gợi ý hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản. - Tóm tắt được văn bản miêu tả, truyện kể đơn giản.	+ Động từ: ອຸ ນອບ ນອນ, ນຶ້ ນຶ້, ນອນ ນອນ ... + Tính từ: ງຸ້ ງຸ້, ນອບ ນອບ, ນຶ້ ນຶ້ ... - Xác định các đại từ chỉ ngôi: + Ngôi thứ nhất: ນອນ, ນາ, ນາ + Ngôi thứ 2: ນຶ້, ຂ, ອ, ອຸ້, + Ngôi thứ 3: ນາ, ນາ, ນຶ້ ນຶ້, ນຶ້ ນຶ້.... - Phân biệt được các loại câu: câu kể; câu hỏi; câu cầu khiến... - Biết sử dụng các dấu câu và cách đặt dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm và dấu ba chấm,...) trong văn bản. - Biết đặt câu có đủ thành phần chủ ngữ; vị ngữ. 3. Hoạt động giao tiếp - Viết đoạn văn kể lại một sự việc đã được chứng kiến. - Viết đoạn văn kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc kèm tranh ảnh minh họa (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). - Viết thư thăm hỏi người thân, bạn bè - Nêu ý kiến cá nhân về một câu chuyện, một nhân vật. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học rút ra từ văn bản. 2. Nhân vật trong truyện. 3. Cảm xúc, suy nghĩ, ứng xử của bản thân..

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nhận biết được chủ đề văn bản. - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. - Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản. 6. Kiến thức văn hóa - Biết cảm nhận được về nhân vật và các chi tiết chính trong văn bản. - Bước đầu biết nhận xét, phân tích và thể hiện quan điểm yêu, ghét đối với nhân vật. - Giáo dục học sinh biết yêu cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Thái.	III. NGŨ LIỆU 1. Bảng chữ cái tiếng Thái, bảng vần 2. Văn bản: Đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, lời răn dạy, câu đố, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả 3. Văn bản giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh, độ dài của văn bản khoảng 90- 100 chữ. 4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học sinh 5. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

Năm học thứ 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn. - Nghe và hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết theo nghĩa tường minh các văn bản. - Nghe hiểu hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng, nội dung chính khi người khác trình bày. - Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề, chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm: - Bản thân: Giới thiệu về bản thân; các đại từ nhân xưng; công việc hàng ngày; sự phấn đấu của bản thân... - Gia đình: Kính trọng và biết ơn ông bà, cha mẹ; tình cảm anh em; họ hàng... - Bản mường: Giới thiệu bản làng người Thái; tình cảm quê hương, xóm giềng; đổi mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
2. Nói - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài, có thái độ tự tin. Biết điều chỉnh lời nói cho phù hợp với người nghe. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân (tên, tuổi, sở thích cá nhân...) - Bước đầu nói được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. 3. Đọc - Đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 40 - 50 tiếng/1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh. 4. Viết - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Viết được một số câu đơn giản về những chủ đề đã học. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được đoạn văn theo đúng yêu cầu; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau. - Viết được đoạn văn ngắn về tả người, tả phong cảnh. - Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc, một bài thơ hoặc một câu chuyện. -Viết được đoạn văn ngắn nêu lý do của mình (đồng ý hay phản đối) về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống theo gợi ý.	hoạt hàng ngày... - Nhà trường: Giới thiệu nhà trường, cô giáo, học sinh, khuyên nhau học tập, gương người Thái học tập tốt, số đếm ... 2. Từ ngữ, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường. - Nghĩa của một số câu tục ngữ, thành ngữ dễ hiểu, thông dụng. - Nghĩa của một số từ mượn, từ đồng âm khác nghĩa. - Từ đồng nghĩa - Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản. - Đại từ nhân xưng trong tiếng Thái - Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí 3. Hoạt động giao tiếp - Viết đoạn văn tả người, tả phong cảnh. - Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc, một bài thơ hay một câu chuyện. - Viết đoạn văn nêu ý kiến của mình về một hiện tượng xã hội theo chủ đề.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định 5. Kiến thức tiếng Thái - Biết được nghĩa của các từ theo chủ điểm (Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường). - Biết cách sử dụng một số từ chỉ vị trí. - Bước đầu đọc và hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Bước đầu rút ra được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Bước đầu nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp thơ, ca dao, đồng dao, lời răn dạy. - Bước đầu nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Bước đầu biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Bước đầu biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 8 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, lời răn dạy... yêu thích trong chương trình. 6. Kiến thức văn hóa - Biết yêu quý bản thân, ông bà, cha mẹ và những người xung quanh.	II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với con người, quê hương, đất nước 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Cách cảm nhận cuộc sống, con người của cá nhân.. III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường. - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 – 50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết yêu trường, lớp, quê hương, thôn xóm. - Biết vệ sinh trường lớp, thôn xóm sạch đẹp. - Giáo dục học sinh yêu quý quê hương, đất nước.	

NỘI DUNG GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ A2

Năm học thứ 6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại ngắn. - Nghe và hiểu nội dung theo nghĩa tường minh đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn theo các chủ đề. - Nghe hiểu và nhớ được nội dung chính khi người khác trình bày 2. Nói - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Biết cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi về bản thân (tên, tuổi, sở thích cá nhân...) - Bước đầu nói được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. 3. Đọc - Đọc đúng và trôi chảy các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm 1. Bản thân: Mối quan hệ và tình cảm của bản thân với bạn bè, xã hội, gđ và họ hàng ... 2. Gia đình: Giới thiệu về gđ, nơi ở, chỉ đường về nhà, công việc của các thành viên trong gia đình, miêu tả các thành viên và cuộc sống gia đình 3. Bản mường: Miêu tả cảnh đẹp bản làng người Thái; mối quan hệ, tình cảm của người Thái trong bản, mường. Tình đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hàng ngày... 4. Nhà trường: Việc đi học ở bản và vận động học sinh đi học, ơn thầy cô giáo, học sinh gương mẫu, khuyến nhau học tập, ... 2. Từ vựng, ngữ pháp - Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 40 - 50 tiếng trong 1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn A1 - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 8 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, tục ngữ, lời răn dạy... yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Viết được một số câu đơn giản về những chủ đề đã học. - Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định - Bước đầu biết viết câu có đủ thành phần ngữ pháp. - Bước đầu biết hình thành ý chính cho đoạn viết. - Viết được bài văn ngắn kể lại một trải nghiệm của bản thân và thể hiện cảm xúc cá nhân trước sự việc được kể. - Biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ hay một câu chuyện hay, gần gũi với cuộc sống hàng ngày. - Bước đầu biết viết bài văn ngắn trình bày ý kiến của mình về một hiện tượng trong học tập và đời sống mà mình quan tâm: Nêu được vấn đề suy nghĩ của mình, đưa ra lý lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến đã nêu. 5. Kiến thức tiếng Thái - Biết được nghĩa của các từ theo chủ điểm (Bản thân; gia	- Nghĩa của một số câu tục ngữ, thành ngữ dễ hiểu, thông dụng. - Nghĩa của một số từ mượn, + Vay mượn của tiếng Hán: ชาติ, ใจ, งาม ... + Vay mượn của tiếng Việt: ฝัน, ใจ, ใจ, ใจ ... + Vay mượn của tiếng khác: ใจ, ใจ, ใจ ... - Từ đồng âm khác nghĩa: ใจ, ใจ, ใจ ... - Từ đồng nghĩa: ชาติ, ใจ, ใจ ... - Từ trái nghĩa: ใจ- ใจ, ใจ- ใจ, ใจ- ใจ ... - Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản: ใจ, ใจ... - Nhận biết được đại từ, danh từ, động từ ... trong tiếng Thái - Đại từ nhân xưng trong tiếng Thái - Nhận biết và tìm được các từ láy: + Láy bộ phận + Láy vần: ใจ ใจ + Láy âm: ใจ ใจ ใจ - ใจ ใจ ใจ - Láy toàn phần - Láy 3: ใจ ใจ, ใจ ใจ - Láy 4: ใจ ใจ ใจ ใจ 3. Hoạt động giao tiếp - Viết đoạn văn ngắn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đình; bản mường; nhà trường). - Biết cách sử dụng một số từ chỉ vị trí - Bước đầu đọc và hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Nhận biết được đại từ, danh từ, động từ ... trong tiếng Thái. - Nhận biết đúng từ láy. - Đọc hiểu các câu ngắn, đơn giản. - Bước đầu rút ra được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Bước đầu nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. – Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp thơ, ca dao, đồng dao, lời răn dạy. - Bước đầu nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần. - Bước đầu nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. 6. Kiến thức văn hóa - Biết thực hiện một số nghi thức chào hỏi và giao tiếp theo phong tục dân tộc Thái. - Học được những điều hay, điều tốt thông qua các nhân vật. - Yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái.	- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ hay một câu chuyện hay, gần gũi với cuộc sống hàng ngày. - Viết đoạn văn nêu ý kiến của mình về một hiện tượng trong học tập và đời sống theo chủ đề. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình, nhà trường và xã hội. 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Bản thân; gia đình; bản mường; nhà trường. – Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả – Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 – 50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Năm học thứ 7

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Hiểu được câu hỏi và các thông tin gắn với chủ đề đã học. - Nghe hiểu nội dung chính khi người khác trình bày. - Nghe hiểu các bài hát đồng dao. 2. Nói - Phát âm chính xác các từ, cụm từ đã học. - Trao đổi được với người khác về cảm xúc yêu, ghét của bản thân về những nhân vật được thể hiện trong các văn bản. - Trình bày được các vấn đề liên quan đến chủ đề đã học. - Kể tên một số làn điệu dân ca, điệu xòe, biết hát các bài hát đồng dao dân tộc Thái, biết múa xòe... - Kể tên được một số nhạc cụ dân tộc Thái và công dụng của chúng - Kể tên và nêu được cách chơi một số trò chơi dân gian của dân tộc Thái. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. 3. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Tốc độ đọc khoảng 60 - 70 tiếng trong 1 phút. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 16 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ, câu nói có vần... trong chương trình. 4. Viết	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm - Gia đình: Giới thiệu về gia đình; mối quan hệ dòng tộc; công lao bố mẹ; đồ dùng trong gia đình. - Văn hóa xã hội: Trang phục; ẩm thực; nhạc cụ dân tộc, dân ca, dân vũ... - Bản mường: Giới thiệu bản làng người Thái; tình cảm quê hương, xóm giềng; đời mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hàng ngày... - Trò chơi dân gian: Các trò chơi ném còn, đánh đu, Kéo co (lạk bai), luồn luồn chổng đế (num num tẩu tẩu), tó mak lẹ... 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Câu đơn và câu ghép - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Viết đúng chính tả các từ, cụm từ đã học. - Viết được bài văn ngắn kể lại sự việc có thật liên quan đến bản thân theo chủ đề. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong bài thơ theo chủ đề đã học. - Bước đầu biết viết một đoạn văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. - Bước đầu biết viết bản thuyết minh về luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.. - Trình bày bài viết sạch sẽ, rõ ràng, đầy đủ, đúng quy định. 5. Kiến thức tiếng Thái - Hiểu được nghĩa của từ theo các chủ điểm (Gia đình; văn hóa xã hội; bản mường; trò chơi dân gian). - Hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Hiểu được những bảng hướng dẫn ngắn, đơn giản đặc biệt là khi có sự hỗ trợ của hình họa. - Hiểu được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Nhận biết được chủ đề của văn bản. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận biết đúng câu đơn, câu ghép trong đoạn thơ, đoạn văn, bài văn. - Biết nhận xét nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ.	câu và các từ ngữ liên kết 3. Hoạt động giao tiếp - Viết bài văn ngắn kể lại sự việc có thật liên quan đến bản thân theo chủ đề. - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong bài thơ theo chủ đề đã học. - Viết đoạn văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. - Viết bản thuyết minh về luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình, nhà trường và xã hội. 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Bảo tồn và lưu giữ các trò chơi dân gian của dân tộc Thái. 4. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Bước đầu nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm. - Liên hệ các hoạt động phong trào của trường nhằm bảo tồn các trò chơi dân gian dân tộc Thái. - Cảm nghĩ của bản thân về các trò chơi dân gian mà mình yêu thích. 6. Kiến thức văn hóa - Thực hiện được một số nghi thức chào hỏi và giao tiếp theo phong tục dân tộc Thái. - Học được những điều hay, điều tốt thông qua các nhân vật; bảo tồn và lưu giữ các trò chơi dân gian; trang phục; ẩm thực; nhạc cụ dân tộc, dân ca, dân vũ...của dân tộc Thái. - Biết thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái.	III. NGŨ LIỆU 1.Văn bản về chủ đề: Gia đình; văn hóa xã hội; bản mường; trò chơi dân gian. – Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả – Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 150 – 200 chữ, văn bản thơ khoảng 50 – 80 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Năm học thứ 8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe hiểu nội dung chính khi người khác trình bày. - Biết vừa nghe vừa tóm tắt được những nội dung thuyết trình của người khác.	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm: - Gia đình, dòng tộc: Quan hệ và tình cảm

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
2. Nói - Trao đổi được với người khác về cảm xúc yêu, ghét của bản thân về những nhân vật được thể hiện trong các văn bản. - Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. - Kể lại được một số hoạt động được chứng kiến hoặc tham gia. - Trình bày được ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp. 3. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 24 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Biết viết đúng tên người địa phương; biết đặt dấu câu đúng cú pháp. - Viết được bài văn ngắn kể lại sự việc; một chuyến đi hay một hoạt động xã hội để lại cho bản thân nhiều tình cảm tốt đẹp.. - Viết được đoạn văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết. - Viết được bản thuyết minh về việc tuyên truyền giữ gìn vệ sinh; chăm sóc sức khỏe; phòng bệnh, chữa bệnh. 5. Kiến thức tiếng Thái - Hiểu được nghĩa của từ theo các chủ điểm (Gia đình, dòng tộc; bản làng, quê	gia đình, họ hàng, làng xóm; công việc gia đình, Làm kinh tế gia đình, gia đình với chính sách sinh đẻ có kế hoạch, luật Hôn nhân và gia đình - Văn hóa xã hội: Lễ hội và một số phong tục tập quán tốt đẹp của người Thái (sinh hoạt văn hóa văn nghệ (múa hát, các làn điệu dân ca...) bảo tồn và phát triển di sản văn hóa Thái; bài trừ mê tín dị đoan; - Bản làng, quê hương: Các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, mối quan hệ xóm làng; các quy ước, hương ước của bản làng; những thay đổi của bản làng hiện nay; gia đình văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bản làng văn hóa ở vùng người Thái... - Chăm sóc sức khỏe: Các bộ phận của cơ thể; rèn luyện thân thể, Phòng bệnh, chữa bệnh, vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng. 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
huong; thiên nhiên). - Hiểu được nghĩa của các cụm từ quen thuộc và đơn giản. - Hiểu được những bảng hướng dẫn ngắn, đơn giản đặc biệt là khi có sự hỗ trợ của hình họa. - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận biết được chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi gắm đến người đọc; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Hiểu được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với các chủ đề đã học. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được cốt truyện và một số biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ. - Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân	liên kết. 3. Hoạt động giao tiếp - Viết bài văn ngắn kể lại sự việc, một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. - Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Viết bản thuyết minh về việc tuyên truyền giữ gìn vệ sinh; chăm sóc sức khỏe; phòng bệnh, chữa bệnh. 4. Viết đoạn văn ngắn theo chủ đề đã học. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống, những điều hay, lẽ phải; tình cảm của bản thân đối với gia đình và xã hội. 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái. 3. Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Gia đình, dòng tộc; văn hóa xã hội; bản làng, quê hương; thiên nhiên. – Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn,

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
sau khi đọc tác phẩm. - Cảm nghĩ của bản thân về quê hương, gia đình, dòng tộc... 6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái; có cách ứng xử đúng trong cuộc sống; biết được những điều hay, lẽ phải; thể hiện được tình cảm của bản thân đối với gia đình và xã hội. - Bảo tồn và giữ gìn được một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái; bài trừ một số hủ tục lạc hậu không lành mạnh. - Hiểu biết được giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái.	đoạn (bài) văn miêu tả – Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 200 – 250 chữ, văn bản thơ khoảng 80 – 100 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Năm học thứ 9

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe Bước đầu nghe và nhận xét được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những lập luận thiếu logic không liên quan. 2. Nói - Kể lại được rõ ràng, mạch lạc một câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự - Bước đầu biết thuyết minh về cách chăm sóc sức khỏe; cách phòng ngừa tai nạn trong trường học.	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ điểm: - Người Thái ơn Đảng, Bác Hồ: Những mẫu chuyện về Bác; gương đảng viên ưu tú người Thái; tình cảm của người Thái với Đảng, Bác Hồ; cuộc sống của người Thái từ khi có Đảng... - Chăm sóc sức khỏe: Các cây thuốc của dân tộc Thái, những tập quán có hại cho sức khỏe; cách phòng chữa bệnh theo cây thuốc dân tộc Thái; vệ sinh phòng dịch, rèn luyện thân thể, phòng bệnh, chữa bệnh, phòng tránh

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
3. Đọc - Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, thơ, văn bản miêu tả; tường thuật; tường minh... nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 30 văn bản, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Viết được đoạn văn, bài văn đảm bảo theo đúng yêu cầu; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. - Biết cách trích dẫn văn bản của người khác. - Viết được những đoạn văn ngắn về nội dung liên quan chủ đề đã học. - Bước đầu biết viết một truyện kể sáng tạo. - Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử ở địa phương, có sử dụng hình ảnh minh họa. 5. Kiến thức tiếng Thái - Nêu được nội dung khái quát của văn bản. - Hiểu và phân tích được các thông tin chính từ các đoạn văn ngắn, đơn giản với chủ đề đã học. - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân qua nội dung các văn bản. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	xa ma túy, phòng chống bệnh HIV/AIDS; - Giáo dục: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc bảo tồn ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số; tấm gương học tập; gương các nhà giáo tiêu biểu người Thái... - Thiên nhiên, môi trường: Mùa, thời tiết, khí hậu, núi, rừng, nương, suối, sông, biển, chim rừng, thú rừng, vật nuôi cây trồng, bảo vệ tài nguyên, môi trường (theo tập tục và theo pháp luật)... 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ theo chủ điểm đã học. - Các từ vay mượn: + Từ vay mượn của tiếng Hán: ชาติ, โสณ, ๙๐๖ น... + Từ vay mượn của tiếng Việt: ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก + Từ vay mượn của tiếng khác: ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก... - Từ đồng âm khác nghĩa: ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก - Từ đồng nghĩa: ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก, ปลูก - Từ trái nghĩa: ปลูก- ปลูก, ปลูก- ปลูก, ปลูก- ปลูก - Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản: ปลูก, ปลูก... - Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính. - Nhận biết và cảm nhận được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Nhận biết được các từ vay mượn. - Nhận xét và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và biện pháp tu từ. - Biết rút ra bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân qua nội dung văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống, giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Cảm nghĩ của bản thân qua các tấm gương, người thực việc thực. 6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái; cách ứng xử trong cuộc sống. - Học tập được những điều hay, lẽ phải qua các chủ đề đã học. - Biết thể hiện lòng biết ơn đối với Đảng, Bác Hồ bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và môi trường thông qua một số việc làm cụ thể. - Hiểu được giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung.	3. Từ điển: Cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác 4. Viết đoạn văn ngắn theo chủ đề đã học. II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống; học tập những điều hay, lẽ phải; lòng biết ơn; có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường. 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái. 3. Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Người Thái ơn Đảng, Bác Hồ; chăm sóc sức khỏe; giáo dục - Truyện ngắn, đoạn, bài văn. - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố về chủ đề. - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 250 – 300 chữ, văn bản thơ khoảng 100 – 130 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

NỘI DUNG GIÁO DỤC TRÌNH ĐỘ B

Năm học thứ 10

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. - Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình. - Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. 2. Nói - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; giới thiệu về những nét văn hóa dân tộc Thái; giới thiệu phong tục tập quán, kiến trúc nhà sàn, cách bài trí trong nhà - Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương. - Hỏi đáp về bệnh tật và khám chữa bệnh. Nói lời chỉ dẫn phòng và chữa bệnh, lời chỉ dẫn dùng thuốc, lời chỉ dẫn trồng cây thuốc dân gian. - Hỏi đáp về việc học tập ở địa phương. - Hỏi đáp về giá cả; nói lời chỉ dẫn về trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề truyền thống, làm kinh tế gia đình, bảo quản nông sản; giới thiệu về những điển hình tiên tiến trong lao động ở địa phương. 3. Đọc - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình.	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề: - Văn hoá dân tộc Thái: Giới thiệu những nét khái quát về dân tộc Thái; việc bảo tồn, phát triển và giữ gìn phong tục tập quán dân tộc Thái; truyền thống văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới; văn hóa giao tiếp (giao tiếp thông thường, giao tiếp sang trọng, giao tiếp vai vế trong gia đình, thói quen ăn uống ...); kiến trúc nhà sàn; cách bài trí trong nhà theo phong tục của người Thái. - Chăm sóc sức khỏe: Các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền; khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện (Người bệnh mang ơn thầy thuốc, người thầy thuốc như mẹ hiền); phòng chống ma túy;..., - Khoa học và giáo dục: Truyền thống hiếu học; giáo dục thế hệ trẻ; đưa khoa học vào đời sống; bài trừ mê tín, dị đoan... - Lao động sản xuất: Truyền thống lao động cần cù; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; phát triển sản xuất; phát triển nghề truyền thống;

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm. - Viết bản tin, thông báo, đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết dân tộc Thái, vận động trẻ em đến trường, gương về người giáo viên, gương học sinh học tốt; bảo vệ sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh, nghề truyền thống, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Viết được một văn bản nghị luận về: văn hóa truyền thống của dân tộc Thái, cây thuốc quý, về bảo vệ sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh, nghề truyền thống, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng... - Viết đoạn văn ngắn tuyên truyền giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phong tục tập quán, các lễ hội của dân tộc Thái; giới thiệu về văn hóa dân tộc; nghề truyền thống, bảo quản nông sản; - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện ... 5. Kiến thức tiếng Thái	gương làm ăn kinh tế ... 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ về chủ điểm: văn hóa dân tộc Thái, chăm sóc sức khỏe, khoa học giáo dục và lao động sản xuất. - Lỗi dùng từ và cách sửa (lỗi về nghĩa của từ, về phong cách). 3. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh - Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn; - Văn bản nghị luận: giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái, chăm sóc sức khỏe, khoa học giáo dục và lao động sản xuất. - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc bảo tồn văn hóa, chăm sóc sức khỏe, lao động sản xuất và bảo tồn ngôn ngữ chữ viết, phong trào học tập ... 4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Củng cố cách đọc một số âm vần, thanh điệu tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Hiểu biết về truyền thống văn hóa, việc bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Thái; hiểu biết các lễ hội, phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới; văn hóa giao tiếp (giao tiếp thông thường, giao tiếp sang trọng, giao tiếp vai vế trong gia đình, thói quen ăn uống ...); kiến trúc nhà Sàn, bài trí trong nhà theo phong tục ... - Bước đầu hiểu biết về vấn đề bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền, phòng chống ma túy. - Biết được một số gương truyền thống hiếu học của dân tộc Thái; biết đưa khoa học vào đời sống; bài trừ mê tín, dị đoan; gương lao động cần cù; kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất; phát triển nghề truyền thống; gương làm ăn kinh tế ... 6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái về các chủ đề. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung; Yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái, các lễ hội truyền thống, ngôi nhà sàn và thiết kế bài trí trong ngôi nhà, cây dược liệu quý của dân tộc	II. KIẾN THỨC VĂN HÓA - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái về các chủ đề - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói chung; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái, các lễ hội truyền thống, ngôi nhà sàn và thiết kế bài trí trong ngôi nhà, cây dược liệu quý của dân tộc III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn - Tục ngữ, thành ngữ, câu đố, dân ca, truyện thơ, đồng dao, lời răn dạy ... 2. Văn bản nghị luận xã hội 3. Văn bản thông tin 4. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

Năm học thứ 11

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Nghe hiểu câu hỏi, lời yêu cầu, lời hướng dẫn, lời kể của người đối thoại; - Nghe hiểu nội dung đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn, bài văn ngắn; - Nghe hiểu và nhớ câu chuyện có nội dung đơn giản do thầy cô kể. - Nghe viết chính tả, nghe điền từ vào chỗ trống, nghe sắp xếp lại trình tự của câu... - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. 2. Nói - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; nói lời giới thiệu về bản sắc văn hóa dân tộc Thái, giới thiệu các nghi lễ truyền thống, ca ngợi các nghệ nhân tiêu biểu trong chế tác nhạc cụ, nghệ nhân hát dân ca... - Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương. - Giới thiệu được truyền thống lịch sử của dân tộc Thái, giới thiệu được các di tích lịch sử của địa phương, ca ngợi các anh hùng dân tộc Thái tiêu biểu... - Ca ngợi danh lam thắng cảnh của địa phương, giới thiệu nét đẹp và phát triển kinh tế thông qua du lịch cộng đồng ở địa phương - Ca ngợi đất nước Việt Nam, nêu được mối quan hệ với các nước láng giềng, các dân tộc anh em. 3. Đọc - Luyện đọc, đọc để hiểu nội dung trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khoá.	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề: - Bản sắc văn hoá dân tộc Thái: Giới thiệu không gian văn hóa của dân tộc Thái; lễ nghi, phong tục, luật tục (lễ cúng nhà, cúng bản, cúng mừng; lễ cầu mưa, lễ hội hoa ban, lễ ăn cơm mới, lễ gọi đầu...); phong tục tập quán (phong tục cưới xin; phong tục ma chay...); nghệ nhân dân tộc Thái (nhà văn tiêu biểu người dân tộc Thái, nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, nghệ nhân hát ...) - Truyền thống lịch sử: Truyền thống anh hùng của người Thái; gương anh hùng dân tộc Thái; các di tích lịch sử. - Danh lam thắng cảnh của bản mường dân tộc Thái: Giới thiệu danh lam thắng cảnh, bảo tồn, giữ gìn và phát triển du lịch các khu danh lam thắng cảnh. - Đất nước, con người: Nước Việt Nam và các nước láng giềng, các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, các anh hùng dân tộc. 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ về chủ điểm: Bản sắc văn hóa

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
- Phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khoá ngắn có trong bài học. - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm. - Viết bản tin, thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu bản sắc văn hóa của dân tộc Thái (lễ nghi, phong tục, luật tục (lễ cúng nhà, cúng bản, cúng mừng; lễ cầu mưa, lễ hội hoa ban, lễ ăn cơm mới, lễ gọi đầu...); phong tục tập quán (phong tục cưới xin; phong tục ma chay...); nghệ nhân dân tộc Thái (nhà văn tiêu biểu người dân tộc Thái, nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, nghệ nhân hát ...) - Viết được bản tin, bản thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu, tuyên truyền về truyền thống anh hùng của người Thái; gương anh hùng dân tộc Thái; các di tích lịch sử..... - Viết được một văn bản nghị luận về: Bản sắc văn hóa dân tộc; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh, đất nước, con người ... - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh	dân tộc; truyền thống lịch sử; danh lam thắng cảnh, đất nước, con người - Lỗi về cấu tạo câu (cấu tạo ngữ pháp, câu thiếu thông tin, dấu câu, phong cách). 3. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyện nội dung từ một truyện tranh - Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn. - Văn bản nghị luận: giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái, di tích lịch sử, anh hùng dân tộc Thái, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người và các nước láng giềng - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc bảo tồn văn hóa, giới thiệu về văn hóa dân tộc Thái, di tích lịch sử, anh hùng dân tộc Thái, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người và các nước láng giềng 4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... II. KIẾN THỨC VĂN HÓA

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đạo văn. - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện ... 5. Kiến thức tiếng Thái - Củng cố và khắc sâu cách đọc một số âm vần, thanh điệu tiếng Thái đã học: các âm không có trong tiếng Việt, các chữ cái biến thể. - Một số thành ngữ, tục ngữ, đồng dao, ca dao nói về văn hóa dân tộc, về bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, Việt Nam đất nước con người. - Hiểu sâu hơn văn hoá nghệ thuật (văn hoá nghệ thuật chung và văn hoá nghệ thuật Thái). Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, đồng dao truyện nói theo chủ đề. - Biết đến công lao của anh hùng dân tộc Thái hy sinh bảo vệ bản mường, biết thêm về các di tích lịch sử ở địa phương mình. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm. - Biết các địa danh có danh lam thắng cảnh giúp cho việc phát triển du lịch công đồng. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm. - Có hiểu biết về đất nước Việt Nam và mối quan hệ với các nước láng giềng và các dân tộc anh em. 6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết về phong tục tập quán của dân tộc Thái về các chủ đề - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm	1. Bài học về cách ứng xử trong cuộc sống; học tập những điều hay, lẽ phải; lòng biết ơn; có ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường. 2. Bảo tồn và giữ gìn một số nét đẹp về văn hóa, lễ hội, phong tục của Người Thái. 3. Bài trừ một số hủ tục lạc hậu, không lành mạnh. III. NGŨ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống lịch sử, danh lam thắng cảnh, đất nước con người - Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 – 50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Hiểu các đặc trưng văn hóa truyền thống (giao tiếp, thói quen ăn uống, ở, mặc, sinh hoạt, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán của người Thái).	

Năm học thứ 12

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Nghe - Hiểu được nội dung khi nghe tóm tắt một số thể loại văn học dân gian dân tộc Thái. - Nhớ tên tác giả, tác phẩm và các thể loại tiêu biểu của văn học Thái; - Hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật các tác phẩm văn học dân gian, văn học hiện đại tiêu biểu của người Thái - Nghe - kể lại mẩu chuyện hoặc bản tin phù hợp với chủ đề. - Nghe hiểu bản tin hoặc văn bản phổ biến chính sách pháp luật có nội dung phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi; - Nghe hiểu và ghi nhớ nội dung các bài thơ, bài văn, câu chuyện đã học, đã đọc; nhận xét được về nhân vật và sự kiện; - Nghe và nhận biết đúng từ láy, từ vay mượn, từ nhiều nghĩa, từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ có phụ âm ghép đôi...; - Nghe và nhận diện thái độ, cảm xúc trong giao tiếp (thông qua lời lẽ, ngữ điệu,	I. KIẾN THỨC TIẾNG THÁI 1. Có kiến thức cơ bản về các chủ đề: -.Giới thiệu và phân tích một số tác phẩm văn học dân gian của dân tộc Thái: Truyện thơ; thần thoại, truyện cổ tích... - Truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái: Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch; bảo vệ biên cương; giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Thái; những gương tốt người Thái bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương. - Chính sách và pháp luật: Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
cử chỉ, nét mặt); - Nghe hiểu và ghi nhớ nội dung các tục ngữ, thành ngữ, bài thơ, bài văn, câu chuyện đã học, đã đọc; nhận xét được về nhân vật và sự kiện; - Nghe viết bài chính tả, nghe điền từ chỗ trống, nghe sắp xếp lại trật tự các câu thơ... - Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề. 2. Nói - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. - Hỏi đáp về văn hoá dân tộc Thái; nói lời khen, chê; nói lời giới thiệu về bản sắc văn hóa dân tộc Thái, giới thiệu các nghi lễ truyền thống, ca ngợi các nghệ nhân tiêu biểu trong chế tác nhạc cụ, nghệ nhân hát dân ca... - Nói tóm tắt được những mẩu truyện đã nghe đã đọc. - Giới thiệu được truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái - Biết dùng lời lẽ có tính thuyết phục để tuyên truyền thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước 3. Đọc - Luyện đọc, đọc để hiểu nội dung trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khoá. - Phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện. - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình. - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 20 văn bản văn học, có thể loại và độ dài tương	đồng bào dân tộc; các quyền cơ bản và nghĩa vụ công dân; một số vấn đề về pháp luật; người Thái sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. 2. Từ vựng, ngữ pháp - Mở rộng vốn từ theo chủ đề, chủ điểm. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, đồng dao, chuyện kể theo chủ đề. - Liên kết các đoạn văn - Lỗi về câu; liên kết đoạn văn và văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa. - Bài văn kể chuyện, thuật việc đơn giản. 3. Kiểu văn bản và thể loại - Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh - Văn bản biểu cảm: thơ, ca dao, đồng dao, ngụ ngôn; - Văn bản nghị luận: giới thiệu về một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc Thái. Truyền thống yêu nước bảo vệ bản mường bảo vệ biên cương. Tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối chính sách và pháp luật của nhà nước.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đương với các văn bản đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 4. Viết - Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khoá ngắn có trong bài học. - Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản, chỉ dẫn, thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm. - Viết tóm tắt được mẩu truyện, một số tác phẩm tiêu biểu trong văn học dân gian dân tộc Thái. - Viết được bản tin, bản thông báo, đoạn văn thuyết minh, giới thiệu, tuyên truyền về bảo vệ và giữ gìn an ninh ở bản, ở vùng biên giới..... - Viết được văn bản có nội dung tuyên truyền thực hiện đường lối chính sách của đảng pháp luật của nhà nước - Viết được văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn. - Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện ... 5. Kiến thức tiếng Thái - Có kiến thức về một số thể loại văn học dân gian tiêu biểu của dân tộc Thái: Truyện thần thoại, cổ tích, truyện thuyết, ngụ ngôn, truyện cười; lời nói có vần (đồng dao, ca dao, dân ca, thành ngữ, tục ngữ, câu đố); sử thi; luật tục ... - Biết được truyền thống yêu nước, bảo vệ bản mường, bảo vệ biên cương của dân	- Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về việc giới thiệu về một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc Thái; truyền thống yêu nước bảo vệ bản mường bảo vệ biên cương; tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối chính sách và pháp luật của nhà nước. 4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... II. KIẾN THỨC VĂN HÓA 1. Đề tài, chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản 2. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản. 3. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. III. NGỮ LIỆU 1. Văn bản về chủ đề: Truyền thống yêu nước bảo vệ bản mường bảo vệ biên cương. Tuyên truyền người dân thực hiện tốt đường lối chính sách và pháp luật của nhà nước.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
tộc Thái, thông qua tục ngữ, thành ngữ, bài thơ, bài văn phù hợp với chủ đề chủ điểm. - Người dân tộc Thái giữ gìn an ninh ở bản mường theo luật tục và theo chính sách pháp luật của nhà nước 6. Kiến thức văn hóa - Hiểu biết văn hóa, văn học dân gian và văn học hiện đại của dân tộc Thái. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. - Hiểu biết giá trị văn hóa của người Thái thông qua các chủ đề; yêu quý và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Thái. - Hiểu các đặc trưng văn hóa truyền thống (giao tiếp, thói quen ăn uống, ở, mặc, sinh hoạt, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán của người Thái).	- Truyện cổ tích, truyện thần thoại, ngụ ngôn, truyền thuyết, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố - Độ dài của văn bản văn xuôi: khoảng 100 – 150 chữ, văn bản thơ khoảng 30 – 50 chữ 2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn tiếng Thái vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hóa; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh.

Căn cứ vào chương trình, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kỹ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hóa theo đối tượng học sinh ở tất cả các cấp và phân hóa góp phần định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

b) Rèn luyện cho học sinh phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Thái, văn hóa Thái thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho học sinh.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để học sinh biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã nêu trong Chương trình tổng thể, giáo viên lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn tiếng dân tộc và đối tượng học sinh; không chỉ thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mỹ-nhân văn mà còn bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản với việc chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn tiếng Thái trực tiếp hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

- Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn hóa; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

- Biết yêu tiếng nói chữ viết và văn hóa của dân tộc Thái

- Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn, vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

- Chăm đọc truyện, thơ, tục ngữ, thành ngữ, cao dao, đồng dao của dân tộc Thái; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

- Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

- Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn tiếng Thái góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung nêu trong Chương trình tổng thể. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Năng lực tự chủ và tự học

Môn tiếng Thái hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để học sinh học các môn học khác và tự học. Học sinh biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại văn bản đa dạng, môn tiếng Thái mang lại cho học sinh những trải nghiệm phong phú; góp phần phát triển được vốn sống cho học sinh; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn tiếng Thái cũng giúp học sinh có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

Môn tiếng Thái là môn học góp phần hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh đối với cộng đồng người dân tộc nơi mình sinh sống.

Qua môn tiếng Thái, học sinh biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu văn bản và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu văn bản và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Cũng qua môn tiếng Thái, học sinh phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hoà hợp và hoà giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn tiếng Thái được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn tiếng Thái đề cao vai trò của học sinh với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho văn bản. Khi viết, học sinh cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn tiếng Thái, nhất là đọc và viết về văn học, học sinh có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

3.1. Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc tiếng Thái trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản bằng tiếng Thái; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách học sinh.

Yêu cầu học sinh đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học sinh tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong văn bản; hướng dẫn học sinh liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học sinh,... để hiểu sâu hơn giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hàng ngày.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở người đọc. Hướng dẫn và khích lệ học sinh chủ động, tự tin, phát huy vai trò “đồng sáng tạo” trong tiếp nhận tác phẩm; hứng thú tham gia kiến tạo nghĩa cho văn bản; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên chú ý giúp học sinh tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa. Giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học sinh; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học sinh ở từng cấp học, lớp học và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi... tổ chức cho học sinh thảo luận về văn bản, trải nghiệm thực tế... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học sinh.

3.2. Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách học sinh. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Ở bậc chương trình A1, dạy viết có hai yêu cầu: dạy kĩ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kĩ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Ở bậc chương trình A2 và B, giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ở hai chương trình học này, ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, giáo viên chú ý hướng dẫn kĩ thuật viết tích cực nhằm giúp học sinh vừa thành thạo kĩ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, học sinh còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học sinh hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học sinh thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học sinh cần thực hiện; yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học sinh cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

Tùy từng giai đoạn học, đối tượng người học, giáo viên có thể hướng dẫn viết từ đơn giản và nâng cao dần theo bậc học, cụ thể:

- Tập viết, tập chép, nghe viết, điền từ vào chỗ trống ...
- Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Gạch nối hình với chữ, gạch nối cụm từ cột trái với cột phải để thành câu có nghĩa, đặt câu với các từ cho trước.
- Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

- Dịch từ Thái sang Việt và từ Việt sang Thái.

- Viết được một văn bản nghị luận về: bản thân, gia đình; bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh của địa phương; giới thiệu công việc hàng ngày của bản thân hoặc của người thân trong gia đình; giới thiệu văn hóa ẩm thực, trang phục, trò chơi dân gian, các lễ hội của dân tộc Thái; đất nước, con người; văn hóa dân tộc; lao động sản xuất; khoa học và giáo dục; hướng dẫn chăm sóc sức khỏe; truyền thống yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái; bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo; bài tả phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả; viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện ...

3.3. Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp học sinh có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học sinh.

Trong dạy nói, giáo viên hướng dẫn cho học sinh quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho học sinh thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học sinh cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học sinh biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho học sinh. Để tạo điều kiện cho mọi học sinh được thực hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học sinh nói cho nhau nghe hoặc học sinh trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học sinh thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi,

thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn tiếng Thái nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn tiếng Thái là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học đã quy định trong chương trình.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn tiếng Thái, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu học sinh hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt kiểu văn bản, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong văn bản; liên hệ, so sánh giữa các văn bản và giữa văn bản với đời sống.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu học sinh tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn tiếng Thái tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét,...

4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn tiếng Thái thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hàng ngày về học sinh, việc học sinh trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết bài theo các chủ đề...

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối một giai đoạn học tập (kết thúc một chương trình) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe). Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối mỗi giai đoạn, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu của học sinh.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. Học sinh cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a) Một số thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong chương trình

– *Giao tiếp đa phương thức*: hình thức giao tiếp sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

– *Kiểu văn bản*: các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...

– *Loại văn bản (type)*: các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học (bộc lộ, giải bày tình cảm), văn bản nghị luận (thuyết phục), văn bản thông tin (thông báo, giao dịch,...).

– *Loại văn học (genre)*: loại hình văn bản văn học, gồm: truyện, thơ, đồng dao, tục ngữ, thành ngữ, ngụ ngôn, kịch, kí...

– *Năng lực ngôn ngữ*: khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói, nghe.

– *Năng lực văn học*: một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ, là khả năng nhận biết, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mỹ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.

– *Ngữ liệu*: từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học.

– *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*: những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu, cử chỉ, thân thể... góp phần biểu nghĩa trong giao tiếp.

- *Thể loại văn học*: mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: Truyền thuyết, thần thoại, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, ngụ ngôn, truyện cười,...
- *Văn bản biểu cảm*: văn bản chủ yếu dùng để thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- *Văn bản đa phương thức*: văn bản có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh.
- *Văn bản miêu tả*: văn bản chủ yếu dùng để miêu tả.
- *Văn bản nghị luận*: văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó.
- *Văn bản nhật dụng*: văn bản chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hàng ngày.
- *Văn bản thông tin*: văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.
- *Văn bản thuyết minh*: văn bản chủ yếu được dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng.
- *Văn bản tự sự*: văn bản chủ yếu dùng để kể lại một sự việc.

b) Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Chương trình môn tiếng Thái sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương, sao cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<i>Biết</i>	đọc thuộc lòng (bài thơ, đoạn văn,...); kể lại (câu chuyện đã đọc, sự việc đã chứng kiến,...); nhận biết (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại; tính toàn vẹn, chỉnh thể của văn bản; lí lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ;...)

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Hiểu	nhận biết, phân tích (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng,...); hiểu, xác định (đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo,...); hiểu (chủ đề, thông tin cơ bản,...); giải thích (tác dụng của biện pháp tu từ,...); tóm tắt (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...); nhận xét, đánh giá (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết,...)
Vận dụng	vận dụng (kiến thức tiếng Thái, văn học, kinh nghiệm,...); so sánh (nhân vật, văn bản,...); liên hệ (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); viết (đoạn văn, văn bản,...); thuyết trình, trình bày (vấn đề, ý kiến, bài giới thiệu, báo cáo nghiên cứu,...)

2. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các bậc học (theo số tiết học)

Trình độ		Năm thứ	Số tiết trên tuần	số tuần	Tổng số tiết trên năm
A	A1	1	2	35	70
		2	2	35	70
		3	2	35	70
		4	2	35	70
		5	2	35	70
	TỔNG				350
	A2	6	3	35	105
		7	3	35	105
		8	3	35	105
		9	3	35	105

		TỔNG			420
B	B	10	3	35	105
		11	3	35	105
		12	3	35	105
		TỔNG			315

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi chương trình học và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng (trọng tâm là rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng).
- Giữa các kiểu, loại văn bản đọc, viết, nói và nghe.
- Giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kĩ năng đọc); cụ thể tỉ lệ thời lượng dành cho các kĩ năng ở từng lớp như sau:

Chương trình	Đọc	Viết	Nói và nghe	Đánh giá định kì	Thực tế
A1	khoảng 60%	khoảng 25%	khoảng 10%	khoảng 3%	2%
A2	khoảng 60%	khoảng 25%	khoảng 10%	khoảng 3%	2%
B	khoảng 60%	khoảng 25%	khoảng 10%	khoảng 3%	2%

3. Hệ thống chủ đề và nội dung bài đọc (gợi ý):

3.1. Các chủ đề học tập ở chương trình A như sau (Gợi ý):

- Bản thân: Giới thiệu về bản thân; các đại từ nhân xưng; công việc hàng ngày; sự phấn đấu của bản thân...

- Gia đình, dòng tộc: Kính trọng và biết ơn ông bà, cha mẹ; tình cảm anh em; họ hàng. Giới thiệu về gia đình; mối quan hệ dòng tộc; công lao bố mẹ; đồ dùng trong gia đình Quan hệ và tình cảm gia đình, họ hàng, làng xóm; công việc gia đình, Làm kinh tế gia đình, gia đình với chính sách sinh đẻ có kế hoạch, luật Hôn nhân và gia đình

- Bản làng, quê hương: giới thiệu bản làng người Thái; tình cảm quê hương, xóm giềng; đổi mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, mối quan hệ xóm làng; các quy ước, hương ước của bản làng; những thay đổi của bản làng hiện nay; gia đình văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa mới, bản làng văn hóa ở vùng người Thái; Giới thiệu cuộc sống sinh hoạt của bản làng người Thái; tình cảm quê hương, xóm giềng; đổi mới quê hương; đoàn kết; cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, quy ước hương ước của bản ...

- Nhà trường: Học số đếm, giới thiệu nhà trường, ơn thầy cô giáo, học sinh gương mẫu, khuyến nhau học tập, gương người Thái học tập tốt. Cách sử dụng một số từ chỉ vị trí

- Văn hóa xã hội: Trang phục; ẩm thực; nhạc cụ dân tộc, dân ca, dân vũ... Lễ hội và một số phong tục tập quán tốt đẹp của người Thái; bảo tồn và phát triển di sản văn hóa Thái; bài trừ mê tín dị đoan;

- Trò chơi dân gian: Các trò chơi ném còn, đánh đu, kéo co (lạ bai), Luân luân chổng đế (num num tẩu tẩu), tó mak lẹ...

- Chăm sóc sức khỏe: Các bộ phận của cơ thể; rèn luyện thân thể, Phòng bệnh, chữa bệnh, vệ sinh ăn uống. vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng. Các cây thuốc của dân tộc Thái, những tập quán có hại cho sức khỏe; cách phòng chữa bệnh theo cây thuốc dân tộc Thái; vệ sinh phòng dịch, rèn luyện thân thể, phòng bệnh, chữa bệnh, phòng tránh xa ma túy, phòng chống bệnh HIV/AIDS;

- Người Thái ơn Đảng, Bác Hồ: Những mẫu chuyện về Bác; gương đảng viên ưu tú người Thái; tình cảm của người Thái với Đảng, Bác Hồ; cuộc sống của người Thái từ khi có Đảng...

- Giáo dục: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc thiểu số; tấm gương học tập; gương các nhà giáo tiêu biểu người Thái...

- Thiên nhiên, môi trường: Mùa, thời tiết, khí hậu, núi, rừng, nương, suối, sông, biển, chim rừng, thú rừng, vật nuôi cây trồng, bảo vệ tài nguyên, môi trường (theo tập tục và theo pháp luật)...

3.2. Các chủ đề học tập ở chương trình B như sau (Gợi ý):

- Bản sắc văn hoá dân tộc Thái: Giới thiệu những nét khái quát về dân tộc Thái; việc bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc Thái; truyền thống văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán, phát triển và giữ gìn phong tục tập quán, xây dựng nếp sống mới; kiến trúc nhà sàn, bài trí trong nhà theo phong tục; giới thiệu không gian văn hóa của dân tộc Thái; các nghi lễ truyền thống (Lễ cúng nhà, cúng bản, cúng mừng, lễ cầu mưa, lễ hội hoa ban, lễ ăn cơm mới, lễ gọi đầu...); phong tục tập quán (Phong tục cưới xin; phong tục ma chay); nghệ nhân tiêu biểu dân tộc Thái (Nhà văn tiêu biểu người dân tộc Thái, nghệ nhân chế tác nhạc cụ dân tộc, nghệ nhân hát); giới thiệu các thể loại văn học dân gian dân tộc Thái: truyện cổ (thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười); lời nói có vần (đồng dao, ca dao, dân ca, thành ngữ, tục ngữ, câu đố), sử thi, luật tục ...

- Truyền thống lịch sử: Truyền thống anh hùng của người Thái; gương anh hùng dân tộc Thái; các di tích lịch sử.

- Danh lam thắng cảnh của bản mường dân tộc Thái: Giới thiệu danh lam thắng cảnh, bảo tồn, giữ gìn và phát triển du lịch các khu danh lam thắng cảnh.

- Đất nước, con người (Nước Việt Nam và các nước láng giềng, các dân tộc anh em, đoàn kết dân tộc, các anh hùng dân tộc;...);

- Chăm sóc sức khỏe: Các dược liệu truyền thống trong dân gian và cách điều trị bệnh bằng y học cổ truyền; khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện (Người bệnh mang ơn thầy thuốc, người thầy thuốc như mẹ hiền); phòng chống ma túy;...,

- Khoa học và giáo dục: (Truyền thống hiếu học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa khoa học vào đời sống, bài trừ mê tín, dị đoan;...);

- Lao động sản xuất (Truyền thống lao động cần cù; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất; phát triển nghề truyền thống, gương làm ăn kinh tế ...);

- Truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Thái: Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch; bảo vệ biên cương; giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Thái; những gương tốt người Thái bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương.

- Chính sách và pháp luật: Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc; các quyền cơ bản và nghĩa vụ công dân; một số vấn đề về pháp luật; người Thái sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

4. Thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo

Thiết bị dạy học bao gồm: Bộ mẫu chữ cái, dấu thanh tiếng Thái; bộ tranh, ảnh phục vụ cho học tập đọc; bộ tranh, ảnh phục vụ cho học kể chuyện...; các băng, đĩa ghi hình.

Tài liệu tham khảo bao gồm: Sổ tay từ ngữ Việt - Thái; sổ tay thành ngữ, tục ngữ tiếng Thái; truyện đọc tham khảo (Truyện thần thoại, truyện cổ tích, truyện thuyết, truyện ngụ ngôn, câu đố, lời dẫn dạy (Bok mạy xon côn)... ,)

Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, có máy tính, màn hình và máy chiếu (projector), Micro, loa...; trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Thái; các CD, video clip (bằng tiếng Thái) có nội dung giới thiệu các văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc Thái; một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các CD, video clip (bằng tiếng Thái) ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học; các băng đĩa CD ghi bản nhạc (bằng tiếng Thái) được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu dạy học hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu; các sách giáo khoa tiếng Thái, sách văn học và các tài liệu giáo dục văn học dạng điện tử.

5. Yêu cầu lựa chọn văn bản (ngữ liệu)

Ngoài việc bảo đảm các tiêu chí đã nêu ở mục V, ngữ liệu dạy học trong môn tiếng Thái cần bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa văn bản văn học với văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Trong văn bản văn học, chú ý bảo đảm sự cân đối tương đối giữa các thể loại cơ bản (truyện, thơ, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hội thoại), giữa sáng tác mới và sáng tác trước đây, giữa văn học dân gian và văn học viết. “Sự cân đối” được hiểu là một tỉ lệ thích hợp, chứ không phải có tỉ lệ bằng nhau. Ngữ liệu cho tất cả các chương trình đều phải có văn bản truyện và thơ. Ở chương trình A1, A2 ưu tiên sáng tác trong thời kỳ đổi mới, tục ngữ, thành ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện cười, câu đố, đồng dao, ca dao. Hạn chế hiện tượng một văn bản được sử dụng lặp lại ở nhiều lớp học, cấp học khác nhau.

b) Bảo đảm sự phù hợp của văn bản với yêu cầu phát triển và thời lượng học tập của chương trình. Độ khó của các văn bản đọc tăng dần qua từng chương trình học. Thời gian để dạy học một văn bản phải tương thích với độ dài và độ phức tạp của nó để bảo đảm giáo viên có thể giúp học sinh tiếp cận đầy đủ và sâu sắc văn bản, cho học sinh có cơ hội đọc trực tiếp và trăn trở những tác phẩm được chọn học. Hạn chế việc dạy học trích đoạn, trừ trường hợp những tác phẩm văn học có dung lượng lớn như truyện thuyết, hồi kí, sử thi, ví dụ: *Quam Tô Mương*, *Quam Phan Mương* và *Phết mương*, *Tay Pủ Xóc*, *Chương Han*...

c) Bảo đảm kế thừa và phát triển các chương trình môn tiếng Thái đã có. Tác phẩm gợi ý lựa chọn (tác giả sách giáo khoa tự lựa chọn tác phẩm theo danh mục gợi ý của chương trình). Căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi chương trình và danh sách các tác phẩm bắt buộc, tác phẩm bắt buộc lựa chọn được quy định, tác giả sách giáo khoa chọn thêm những văn bản phù hợp được khuyến nghị trong hoặc ngoài danh mục gợi ý ở cuối chương trình. Giáo viên và học sinh được chọn đọc một số văn bản mở rộng phù hợp với yêu cầu của chương trình và lứa tuổi để thảo luận trong nhóm, trong lớp.

6. Điều kiện thực hiện chương trình

a) Cơ sở giáo dục có khả năng bố trí thời gian thực hiện Chương trình môn tiếng Thái theo thiết kế của chương trình: Trình độ A1 là 70 tiết/năm học và hoàn thành chương trình trong 5 năm học là 350 tiết; trình độ A2 là 105 tiết/năm học và hoàn thành chương trình trong 4 năm học là 420 tiết; trình độ B là 105 tiết/năm học và hoàn thành chương trình trong 3 năm học là 315 tiết.

b) Cơ sở giáo dục có giáo viên tiếng Thái đạt **chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn**, nghiệp vụ theo quy định.

c) Cán bộ quản lý và giáo viên tiếng Thái được tham gia các khóa bồi dưỡng về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học tiếng Thái.

d) Cơ sở giáo dục có đầy đủ cơ sở vật chất trường lớp (phòng học, bàn ghế...) sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị dạy học môn tiếng Thái theo quy định.

IX. DANH MỤC VĂN BẢN (NGŨ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN

1. Căn cứ tiêu chí lựa chọn văn bản (nêu tại mục V) và yêu cầu lựa chọn văn bản (nêu tại mục VIII), chương trình xây dựng danh mục văn bản (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp. Danh mục văn bản này không phải là tất cả ngữ liệu của các lớp mà chỉ là những ví dụ minh họa về thể loại, kiểu văn bản, đề tài và sự phù hợp với nhận thức, tâm lý lứa tuổi; nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe ở mỗi lớp.

Để thuận tiện và linh hoạt trong việc lựa chọn ngữ liệu, các văn bản được gợi ý theo các chương trình. Các tác giả sách giáo khoa có thể dựa vào danh mục này để lựa chọn và tự tìm thêm các văn bản tương đương về thể loại và độ khó để biên soạn miễn là đáp ứng được các tiêu chí (nêu tại mục V) và yêu cầu lựa chọn văn bản (nêu tại mục VIII).

2. Văn bản (ngữ liệu) gợi ý trong danh mục này, số lượng văn bản ở mỗi kiểu, loại khác nhau, tùy theo yêu cầu cần đạt của chương trình. Danh mục bao gồm văn bản mới và văn bản đã, đang được sử dụng trong sách giáo khoa hiện hành (có sự phân bố lại cho phù hợp với yêu cầu cần đạt của các lớp), nhằm đảm bảo sự hài hoà giữa kế thừa và đổi mới. Riêng đối với văn bản thông tin, danh mục không giới thiệu tên văn bản cụ thể mà chỉ nêu đề tài và tên các kiểu văn bản để tác giả sách giáo khoa tùy ý lựa chọn. Các tác giả có tên ở danh mục này chỉ xuất hiện một lần trong cả ba cấp học, trừ một số tác giả tác phẩm bắt buộc đã nêu trong chương trình. Để tác giả sách giáo khoa có định hướng lựa chọn văn bản phù hợp với các nhóm lớp, danh mục này gợi ý cho tác giả lựa chọn.

3. Các kiểu văn bản

- Văn bản đưa vào tài liệu dạy học theo chương trình là các đoạn, bài hội thoại (do tác giả biên soạn tài liệu dạy học sưu tầm hoặc tự biên soạn), tục ngữ, thành ngữ, đồng dao, lời có vần của đồng bào dân tộc Thái, trích đoạn tác phẩm văn học, báo chí, tin tức, mẫu chuyện lịch sử, văn bản phổ biến khoa học, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản giao dịch thông thường,... phù hợp với các chủ đề về sinh hoạt, đời sống văn hoá, những giá trị tinh thần (tâm lí, tình cảm, quan điểm đạo đức, thẩm mỹ, phong tục tập quán,...) của đồng bào Thái, về thiên nhiên, đất nước, những vấn đề chính trị, khoa học, giáo dục, pháp luật,... Bên cạnh những văn bản bằng tiếng Thái, có thể sử dụng một số văn bản dịch từ tiếng Việt.

- Tham khảo: Tục ngữ thành ngữ, câu đố, đồng dao, lời răn dạy, dân ca, truyện thơ (Xống chụ xon xao, Khún Lú nàng Ủa, Hiên Hom, ý Đón ý Dăm, Năng phôm hom... Tây Pú Xóc (Ông cha đánh giặc); thần thoại; truyền thuyết; truyện cổ tích; truyện ngụ ngôn; truyện cười (Ái khôn Hón)